TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2017
V/v: Tranh chấp " Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Lượng

Các Hội Thẩm Nhân Dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

2. Ông Mai Văn Tài

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Kim Liệu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: không tham gia.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2017. Về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXX-ST ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị D; sinh năm 1983 (có mặt)

Cư trú: Tổ 9, ấp T, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Chau A, sinh năm 1985 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cư trú: Tổ 4, ấp T, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

Phiên dịch viên: Bà Sol Saly. Cán bô Văn phòng khóm 4, thị trấn Tri Tôn.

NÔI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mai Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Do mai mối bà và ông Chau A có tổ chức lễ cưới nhưng không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2009 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông A không lo làm ăn, thường say sỉn, còn đập đồ trong nhà và đánh đập tôi, có hành vi bạo hành gia đình nên từ đó bà và ông A sống ly thân cho đến nay.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Neáng S, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Chau B, sinh ngày 11/12/2008, bà đang nuôi dưỡng 02 cháu, nguyện vọng của các cháu mong muốn sống với bà D, bà D không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chau A trình bày: Do mai mối ông và bà D và đi đến kết hôn năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng hiện nay không còn hạnh phúc. Nay bà D yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà D trình bày, ông cũng thống nhất giao cháu Neáng S, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Chau B, sinh ngày 11/12/2008 cho bà D nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông Chau A là bị đơn có nơi cư trú ấp T, xã C, huyện Tri Tôn, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Về nội dung: Năm 2003 bà D và ông A tổ chức đám cưới nhưng chung sống không đăng ký kết hôn, căn cứ theo điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2015 quy định việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá pháp lý.

Căn cứ điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Từ những quy định trên Tòa án không công nhận bà D và ông A là vợ chồng.

Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 05/7/2017 bà D và ông A đã thỏa thuận thống nhất bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Néang S, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Chau B, sinh ngày 11/12/2008, ông A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Bà D phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 14, 15, 53, 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình;

Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội " Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"

Tuyên bố không công nhận bà Mai Thị D và ông Chau A là vợ chồng.

Giao cháu Néang S, sinh ngày 22/9/2004 và cháu B, sinh ngày 11/12/2008 cho bà Mai Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Chau A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Chau A có quyền đến thăm nom con chung.

Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011840 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Chau A thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn
- THADS huyện Tri Tôn
- TAND tỉnh An Giang
- Các đương sự
- Lưu VP, HS.

Võ Văn Lượng